

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN**

Số: 28/12 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hưng Yên, ngày 20 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư công trình khai thác mỏ cát tại xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét các Văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH Minh Phương: số 289/TT-MP ngày 10/5/2024, số 121/TT-MP ngày 31/10/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 625/BC-STNMT ngày 11/11/2024 và Tờ trình số 604/TTr-STNMT ngày 09/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường “Dự án đầu tư công trình khai thác mỏ cát tại xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Minh Phương (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại địa bàn xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

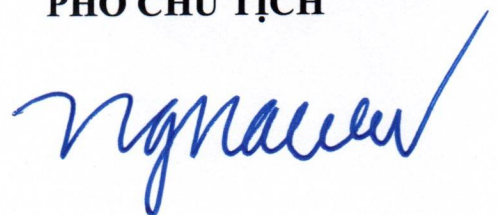
Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. 22/

Nơi nhận: ngf

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ Môi trường thuộc Bộ TNMT (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Khoái Châu;
- UBND xã Tứ Dân;
- Công ty TNHH Minh Phương;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC (trả kết quả);
- Công TTĐT tỉnh (đăng tải công khai);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2^L.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hùng Nam

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án đầu tư công trình khai thác mỏ cát tại xã Tứ Dân,

huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

(Kèm theo Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án đầu tư công trình khai thác mỏ cát tại xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Địa điểm thực hiện: Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Minh Phương.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất Dự án

- Gồm 02 khu với tổng diện tích 27,14 ha tại mỏ cát xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên với tổng trữ lượng cấp 122 khoảng 843.814 m³ (trong đó: cát làm vật liệu xây dựng khoảng 331.209 m³, cát làm vật liệu san lấp khoảng 512.605 m³); tổng trữ lượng khai thác là 810.000 m³, công suất khai thác 95.000 m³/năm; tuổi thọ mỏ là 9 năm.

- Tọa độ và ranh giới khai thác của dự án:

Khu vực	Số hiệu điểm	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°30', múi chiều 3°		Diện tích từng khu (ha)	Tổng diện tích (ha)
		X(m)	Y(m)		
Khu 1	1	2 305 360,000	543 098,000	18,78	27,14
	2A	2 305 360,000	543 280,360		
	3	2 304 933,000	543 078,000		
	4	2 304 470,000	542 899,000		
	5	2 304 529,603	542 712,941		
	6	2 304 995,000	542 865,000		
Khu 2	7	2 304 219,951	542 660,961	8,36	
	8	2 304 186,000	542 828,000		
	9	2 303 594,000	542 721,000		
	10	2 303 594,000	542 618,119		

1.3. Quy trình công nghệ khai thác của Dự án

Quy trình công nghệ khai thác của mỏ: Cát → khai thác bằng bơm bút (tàu hút) → vận tải đường thủy bằng tàu chở → bơm hút cát lên bãi chứa → tiêu thụ.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

- Các hạng mục công trình: Tại khu vực khai thác của dự án không bố trí các công trình xây dựng. Công ty chỉ đầu tư máy móc thiết bị phục vụ khai thác gồm: 03 tàu hút tải trọng 300 tấn, dung tích 200 m³; 06 máy bơm cao áp 50 m³/giờ; 03 máy phát điện.

- Các hoạt động của dự án:

+ Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (sử dụng tàu hút).

+ Cải tạo, phục hồi môi trường.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng: Dự án không có hoạt động xây dựng cơ bản (chỉ đầu tư máy móc thiết bị phục vụ khai thác cát).

- Giai đoạn vận hành: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên trên tàu; nước thải từ hoạt động bơm hút cát; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động bơm hút cát; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của động cơ tàu khai thác, máy bơm hút cát.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ trên 03 tàu khai thác khoảng 0,45 m³/ngày đêm, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hữu cơ, dầu mỡ động thực vật, coliform.

- Nước thải từ quá trình bơm hút cát khoảng 738 m³/ngày, có thành phần chủ yếu là TSS, không chứa hóa chất độc hại và có tính chất tương tự như nước sông khu vực dự án.

- Nước làm mát máy móc thiết bị được tuần hoàn tái sử dụng; định kỳ thải bỏ được thu gom, xử lý như chất thải nguy hại.

3.1.2. Bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động của tàu khai thác, máy hút cát, máy phát điện có thành phần chủ yếu là bụi, CO, NO_x.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt thông thường: Phát sinh khoảng 1,35 tấn/năm, có thành phần chủ yếu là chất hữu cơ, túi nilon, vỏ đồ hộp...

- Chất thải nguy hại: Khối lượng khoảng 894,6 kg/năm, gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải; găng tay, giẻ lau dính dầu thải; dầu mỡ thải; nước thải làm mát động cơ định kỳ thải bỏ (nước la canh thải).

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Phát sinh từ hoạt động của máy hút cát, máy phát điện.

3.4. Các tác động khác

Trong quá trình hoạt động của Dự án có thể xảy ra các sự cố:

- An toàn lao động.
- An toàn giao thông thủy.
- Cháy nổ.
- Tràn dầu.

- Bồi lắng, xói lở lòng, bờ, bãi sông: Dự án khai thác trong phạm vi 27,14 ha tại mỏ cát xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên với công suất khai

thác 95.000 m³/năm làm tăng độ đục của môi trường nước; ảnh hưởng đến thủy lực dòng chảy, làm thay đổi địa hình đáy sông; tác động đến chế độ thủy văn của dòng chảy có nguy cơ làm gia tăng quá trình xói lở, bồi lắng.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom và xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh trên mỗi tàu được xử lý qua nhà vệ sinh di động loại 500 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không thải ra môi trường.

- Nước thải từ quá trình bơm hút cát: Lắp đặt lưới lọc tại cửa tràn của tàu khai thác; thường xuyên kiểm tra bảo đảm hiệu quả của lưới lọc; đường ống hút đảm bảo kín không rò rỉ trong quá trình bơm hút cát; khai thác đúng phương pháp, thông số và công suất được phê duyệt; hạn chế các phương tiện khai thác đồng thời để giảm khuấy đục;...

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Sử dụng các thiết bị đảm bảo công suất như hồ sơ thiết kế đã được thẩm định; kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện, thiết bị khai thác đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật; vận hành máy móc theo đúng công suất thiết kế và hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải sinh hoạt: Trên mỗi tàu khai thác bố trí 01 thùng chứa có nắp đậy kín dung tích 100 lít để thu gom, lưu giữ tạm thời; hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại: Trên mỗi tàu khai thác bố trí 02 thùng nhựa có nắp đậy dung tích 100 lít để thu gom, lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng, kiểm định kỹ thuật định kỳ các máy móc thiết bị theo quy định.

- Hạn chế tập trung các phương tiện cùng một chỗ, gây cộng hưởng tiếng ồn.

- Bố trí thời gian làm việc, khai thác theo quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP (thời gian được phép hoạt động khai thác trong ngày từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều, không được khai thác ban đêm).

- Trang bị dụng cụ chống ồn cho công nhân làm việc tại khu vực có độ ồn cao.

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Biện pháp giảm thiểu tác động khác

- Biện pháp an toàn lao động: Bố trí, trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định; tập huấn định kỳ kiến thức về an toàn lao động cho công nhân.

- Biện pháp phòng chống tai nạn giao thông đường thủy:

+ Xin phép và tuyệt đối tuân thủ Luật Giao thông đường thủy nội địa.

+ Lắp đặt hệ thống phao xác định ranh giới khai thác, các biển báo, đèn tín hiệu và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trước khi khai thác.

+ Các phương tiện khai thác, bơm hút, vận chuyển phải hoạt động đúng công suất, trọng tải, tốc độ theo quy định.

+ Các thiết bị tàu thuyền vận chuyển được kiểm tra, đảm bảo phù hợp với quy định về an toàn giao thông thủy.

+ Thường xuyên theo dõi dự báo khí tượng để tránh hoạt động khai thác, vận chuyển vào những ngày mưa lũ lớn.

- Phòng ngừa sự cố cháy nổ: Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy và tổ chức thực hành diễn tập; định kỳ tổ chức tập huấn kiến thức về phòng cháy chữa cháy cho người lao động trên tàu theo quy định. Trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy trên mỗi tàu khai thác theo quy định.

- Giảm thiểu tác động của sự cố tràn dầu:

+ Tất cả các phương tiện khai thác phải đảm bảo yêu cầu về niên hạn sử dụng và an toàn lưu hành phương tiện, hạn chế tối đa lượng dầu rò rỉ ra môi trường.

+ Việc cung ứng dầu, mỡ phải đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường; không để xảy ra hiện tượng rơi vãi dầu, mỡ khi tiếp nhiên liệu cũng như khi sử dụng nhiên liệu; không để rò rỉ, rơi vãi dầu, mỡ thải xuống mặt nước trong suốt quá trình khai thác.

+ Xây dựng Kế hoạch và thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định.

- Giảm thiểu tác động do bồi lắng, xói lở lòng, bờ, bãi sông:

+ Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến lòng, bờ, bãi sông theo quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

+ Tiến hành khai thác theo đúng phạm vi, ranh giới mở được cấp phép, đúng thiết kế được duyệt, công suất được cấp phép.

+ Khai thác từ phía Bắc về phía Nam. Khai thác khu I trước, khu II sau. Hút cát theo khoảng từ phía bắc trên toàn chiều rộng mở và dịch chuyển từng khoảng từ phía Bắc (thượng lưu) xuống phía Nam mở (hạ lưu). Trong quá trình khai thác thường xuyên giám sát, theo dõi sạt lở; tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương công khai thông tin, tuyên truyền, vận động nhân dân ủng hộ dự án, đặc biệt là đối với người dân thôn Năm Mẫu.

+ Đo vẽ địa hình đáy sông làm cơ sở so sánh sự biến đổi địa hình trước khai thác so với trong và sau khi khai thác để có kế hoạch, biện pháp thi công khai thác hợp lý nhằm giảm thiểu tác động đến địa hình đáy sông.

+ Không chế trữ lượng và độ sâu khai thác theo đúng như hồ sơ xin khai thác. Nghiêm cấm việc khai thác tập trung lâu ngày tại một chỗ để tạo ra các hố xoáy đột biến, tạo hàm ếch trong tầng cát để hạn chế nguy cơ sạt lở.

+ Không khai thác vào những ngày mưa bão, gió lớn.

+ Nếu phát hiện có dấu hiệu sạt lở, sụt lún dọc tuyến giám sát khu vực đề gạn dự án, Chủ dự án sẽ dừng ngay hoạt động khai thác và phối hợp với các đơn vị liên quan để xem xét và có giải pháp khắc phục kịp thời.

4.5. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

*** Phương án cải tạo, phục hồi môi trường**

Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường của dự án như sau:

TT	Tên công trình	Khối lượng/ Đơn vị
1	Tập kết thiết bị khai thác về nơi neo đậu an toàn	03 tàu hút
2	Tháo dỡ mốc phao tiêu, biển báo khai trường	
2.1	Khu I + Mốc phao tiêu + Phao tiêu phân luồng + Biển cảnh báo	06 mốc phao tiêu 03 phao tiêu phân luồng 02 biển cảnh báo
2.2	Khu II + Mốc phao tiêu + Phao tiêu phân luồng + Biển cảnh báo	04 mốc phao tiêu 02 phao tiêu phân luồng 02 biển cảnh báo
3	Gia cố bờ sông khu vực khai trường thuộc địa phận xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu bằng 3 hàng cọc tre	
3.1	Khu I + Chiều dài bờ sông gia cố + Số lượng cọc tre + Chiều dài cọc tre cần mua + Chiều dài cọc đóng ngập đất	1.100 m bờ sông 6.878 cọc 34.240 m 27.512 m
3.2	Khu II + Chiều dài bờ sông gia cố + Số lượng cọc tre + Chiều dài cọc tre cần mua + Chiều dài cọc đóng ngập đất	615 m bờ sông 3.847 cọc 19.235 m 15.388 m
4	Đo vẽ địa hình đáy sông và bờ sông khu vực khai trường	
4.1	Thành lập lưới khống chế mặt phẳng, đường truyền	6 điểm
4.2	Đo khống chế cao: Khu I: 2,27 km, Khu II: 1,5 km	3,77 km
4.3	Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1: 2000 - Đo vẽ địa hình đáy sông: Khu I: 21,08 ha. Khu II: 9,9 ha. - Đo vẽ địa hình bờ sông: Khu I: 1,1 ha. Khu II: 0,615 ha.	30,98 ha 1,715 ha
4.4	Đo vẽ mặt cắt ngang: Khu I (đo vẽ 2 mặt cắt ngang, mỗi mặt cắt khoảng 300 m): tổng 600 m; Khu II (đo vẽ 2 mặt cắt ngang, mỗi mặt cắt khoảng 250 m): tổng 500 m	1.100 m
4.5	Đo vẽ mặt cắt dọc: Khu I (đo vẽ 1 mặt cắt dọc): 970 m; Khu II (đo vẽ 1 mặt cắt dọc): 650 m	1.620 m

*** Kinh phí thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường**

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: **1.119.890.000** đồng (Bằng chữ: Một tỷ một trăm mười chín triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: Chín (09 lần). Trong đó:

+ Ký quỹ lần đầu: **279.972.500** đồng (Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi chín triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng). Thời điểm ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở.

+ Ký quỹ các lần tiếp theo: **104.989.688** đồng/năm (*Bằng chữ: Một trăm linh tư triệu chín trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng*). Thời điểm ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước ký quỹ.

(Số tiền ký quỹ nêu trên chưa tính đến yếu tố trượt giá sau năm 2024).

+ Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Hưng Yên.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của trong giai đoạn thi công xây dựng của Chủ dự án

** Giám sát chất thải rắn:*

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công xây dựng theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.

** Giám sát sạt lở, sụt lún bờ sông:*

- Vị trí giám sát: Tại dọc bờ sông khu vực khai trường của dự án.

- Phương pháp giám sát:

+ Giám sát thường xuyên hàng ngày bằng mắt thường trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

+ Định kỳ đo đạc khoảng cách từ mép bờ đến vị trí cọc tiêu đã cắm trước khi dự án đi vào hoạt động, đánh giá diễn biến đường bờ, quy mô, khả năng xảy ra sạt lở, sụt lún bờ bãi.

- Tần suất giám sát: Giám sát bằng mắt thường: hàng ngày; đo đạc khoảng cách: 06 tháng/lần.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, khoáng sản, đê điều, giao thông thủy nội địa, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan khác trước khi triển khai và trong quá trình thực hiện dự án.

- Tổ chức khai thác đúng tọa độ, diện tích độ sâu, công suất, trữ lượng và các thông số của hệ thống khai thác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; thực hiện đúng, đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt. Dừng ngay việc khai thác khi có dấu hiệu bất thường.

- Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phân loại rác thải sinh hoạt.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố an toàn lao động, cháy nổ, tràn dầu, thiên tai, xói lở lòng, bờ, bãi sông; chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các rủi ro và sự cố môi trường.

- Thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng số tiền và thời gian quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có thẩm quyền và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Tuân thủ nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt./.
